

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa;
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T, sinh năm 1990.

HKTT: Xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Chí T1, sinh năm 1986.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. *Người làm chứng:* Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1960.

Địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Đỗ Chí T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 đi lao động tại Đài Loan, ít khi liên lạc về hỏi thăm, không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị T. Trong thời gian dài hai vợ chồng không liên lạc với nhau, tình cảm không còn. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Chí T1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Đỗ Quang H (sinh ngày 19/10/2014). Hiện nay, cháu H đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của Đỗ Văn T2 là bố đẻ của anh Đỗ Chí T1. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2021 và 26/3/2021, ông T2 trình bày: Anh T1 và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh T1 đang lao động tại Đài Loan. Anh T1 đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án gửi. Chị T làm đơn xin ly hôn, anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T1 đồng ý ly hôn chị T. Do anh T1 không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và bản thân ông cũng không nắm được nên ông không thể cung cấp cho Tòa án.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 8623/QLXNC-P5 ngày 13/4/2021 thể hiện: Anh Đỗ Chí T1, sinh ngày 24/3/1986 tại Hải Dương, CMND số: 142222997, địa chỉ thường trú tại: Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; đã sử dụng hộ chiếu số C1701945 xuất nhập cảnh nhiều lần (03 lượt), lần cuối xuất cảnh ngày 30/6/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T được ly hôn anh T1; về con chung: giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 19/10/2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Chí T1, là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian khoảng 03 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh T1 thường xuyên sống ở Đài Loan, ít khi về nước; không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị T. Chị T và anh T1 đã ly thân được khoảng 04 năm. Từ khi anh T1 đi nước ngoài thì vợ chồng ít liên lạc, không ai còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh T1 cũng được đại diện gia đình anh T1 và chính quyền địa phương xác nhận. HĐXX xét thấy hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1 là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Đỗ Quang H (sinh ngày 19/10/2014). Hiện nay, cháu H đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T đề nghị Tòa án cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân chị T có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp

với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, anh T1 về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do chị T tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Đỗ Chí T1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 19/10/2014 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số AA/2018/0004836 ngày 04/01/2021. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn